



BẢN TIN CẬP NHẬT VĂN BẢN

Tháng 09/2024



Lãi suất cho vay đặc biệt với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt.	2
Quy định mới về xây dựng, mua bán, cho thuê nhà ở kể từ ngày 01/08/2024.	2
Quy định mới về chuyển đổi công ty nhà nước thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.	3
Quy định mới về sử dụng tiền ký quỹ cải tạo môi trường áp dụng từ 14/09/2024.	4
Cách khai thuế GTGT, thuế TNDN khi chuyển nhượng bất động sản.	4
Chính sách thuế TNCN đối với thường cổ phiếu cho người lao động.	5
Trường hợp vận đơn được dùng thay thế hợp đồng vận tải khi xin hưởng thuế GTGT 0%.	5
Giảm 50% lệ phí trước bạ ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước trong 3 tháng, bắt đầu từ 01/09/2024.	6
Chuyển nhượng dự án được miễn thuế hàng nhập khẩu phải kê khai với Hải quan.	6
Hàng xuất khẩu bị trả lại chỉ được hoàn thuế nếu chưa sử dụng.	7
Gia công phế liệu cho doanh nghiệp chế xuất phải khai hải quan.	7
Điều kiện để được hoãn cưỡng chế hải quan.	7
Hàng nhập khẩu miễn thuế của hộ kinh doanh vẫn phải báo cáo tình hình sử dụng hàng năm.	8
Hướng dẫn đóng và hưởng bảo hiểm thất nghiệp từ 2015.	8
Hướng dẫn xác định đối tượng được áp dụng mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng mới.	9

Ngày 30/06/2024 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 37/2024/TT-NHNN quy định về cho vay đặc biệt, theo đó:

Quy định về lãi suất cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt như sau:

+ Lãi suất cho vay đặc biệt, lãi suất gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt bằng lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước áp dụng đối với hình thức cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá (sau đây gọi là lãi suất cho vay cầm cố của Ngân hàng Nhà nước) tại ngày giải ngân cho vay đặc biệt, ngày bắt đầu gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt.

+ Lãi suất đối với nợ gốc cho vay đặc biệt quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay đặc biệt trong hạn gần nhất của khoản cho vay đặc biệt.

+ Không áp dụng lãi suất đối với nợ lãi chậm trả.

Điều kiện tài sản bảo đảm:

+ Giấy tờ có giá quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 13 Thông tư 37/2024/TT-NHNN phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện: được phát hành bằng đồng Việt Nam, đang được lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước, không

phải là giấy tờ có giá do bên vay đặc biệt phát hành và thời hạn còn lại của giấy tờ có giá không ngắn hơn thời hạn của khoản vay đặc biệt.

+ Trái phiếu quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư 37/2024/TT-NHNN phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện: đang được niêm yết theo quy định của pháp luật và có tài sản bảo đảm và giá trị tài sản bảo đảm theo kết quả đánh giá theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng tại thời điểm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ đề nghị vay đặc biệt, hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn vay đặc biệt hoặc thời điểm đánh giá tài sản bảo đảm theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng trong thời gian vay đặc biệt không thấp hơn mệnh giá trái phiếu

+ Khoản cấp tín dụng theo hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng phát sinh quyền đòi nợ, khoản lãi phải thu quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 37/2024/TT-NHNN phải là khoản cấp tín dụng đang được bảo đảm bằng tài sản.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/7/2024.

[Download](#)

Ngày 31/07/2024 Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 05/2024/TT-BXD về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở, theo đó:

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 gồm: nghĩa vụ thông báo khi người nước ngoài cho thuê nhà ở tại Việt Nam; yêu cầu khi xây dựng nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân; ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư; giấy tờ chứng minh đáp ứng điều kiện được mua, thuê mua nhà ở xã hội; mẫu hợp đồng mua bán, cho thuê mua, cho thuê nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, nhà ở thuộc tài sản công và chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư.

Tại Điều 3 Thông tư này quy định, trường hợp người nước ngoài muốn cho thuê nhà ở được sở hữu tại Việt Nam thì trước khi ký hợp đồng cho thuê và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà ở, người nước ngoài phải gửi văn bản thông báo đến cơ quan quản lý nhà ở cấp huyện nơi có nhà ở cho thuê để biết và theo dõi, quản lý.

Đối với cá nhân có hoạt động đầu tư xây dựng nhà ở nhiều tầng, nhiều căn hộ (nhà ở từ 2 tầng trở lên và có quy mô dưới 20 căn hộ mà mỗi tầng có thiết kế, xây dựng căn hộ để cho thuê) thì phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 4 Thông tư này. Trong đó phải có giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế thể hiện rõ tổng số căn hộ, số lượng căn hộ tại từng tầng, diện tích xây dựng của mỗi căn hộ, khu vực để xe, diện tích sử dụng chung... và đáp ứng yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, yêu cầu về an toàn cháy theo tiêu chuẩn quốc gia về nhà ở riêng lẻ. Trường hợp thuộc diện miễn giấy phép xây dựng thì trước khi xây dựng nhà ở, phải gửi thông báo đến UBND xã, phường, thị trấn nơi có nhà ở được xây dựng về các thông tin thiết kế nhà ở.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2024.

[Download](#)

Ngày 16/07/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2024/NĐ-CP về chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, theo đó:

Nghị định này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp nhà nước (Luật năm 1995, Luật năm 2003) thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Đối tượng áp dụng bao gồm: các doanh nghiệp do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý (sau đây gọi tắt là công ty nhà nước); và doanh nghiệp do công ty trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nhà nước quyết định thành lập hoặc được giao quản lý (sau đây gọi tắt là công ty con chưa chuyển đổi).

Theo Điều 3 Nghị định này thì công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (sau chuyển đổi) được kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty nhà nước hoặc công ty con chưa chuyển đổi; được sử dụng toàn bộ tài sản, lao động, diện tích đất do công ty được chuyển đổi đang quản lý để tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đồng thời phải chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty nhà nước hoặc công ty con chưa chuyển đổi gồm: các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động, nghĩa vụ trong quản lý, sử dụng đất đai theo quy định pháp luật về đất đai, các nghĩa vụ và trách nhiệm khác.

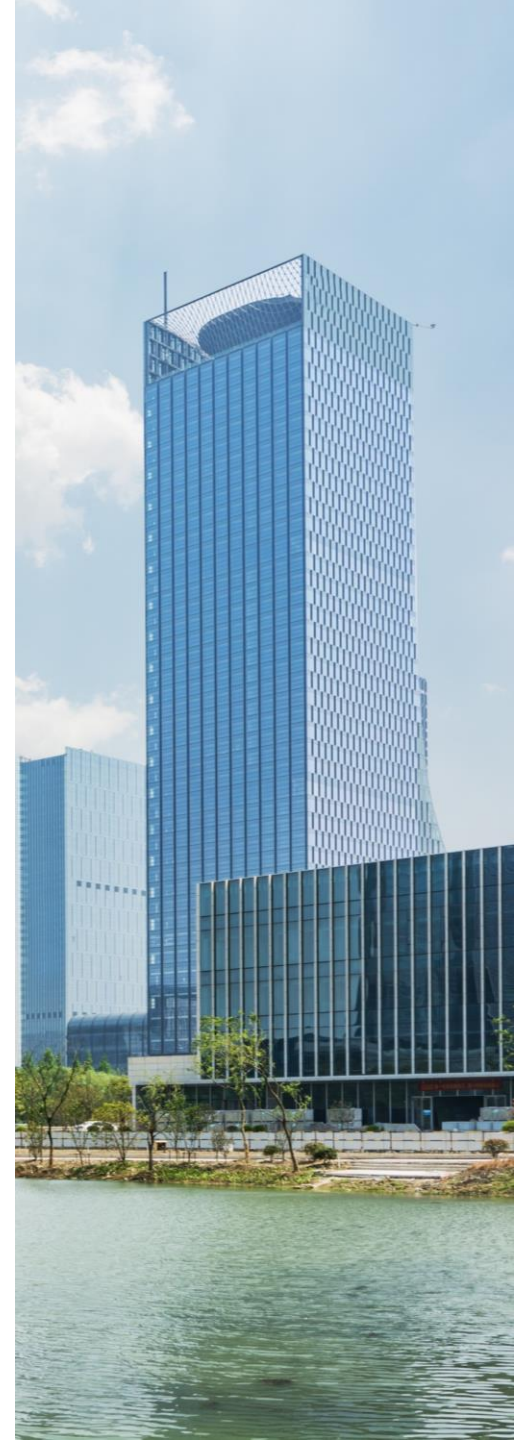
Doanh nghiệp có nghĩa vụ kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo đúng các thông tin đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định chuyển đổi công ty nhà nước, công ty con chưa chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Đối với các thông tin không có tại Quyết định chuyển đổi, doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính

hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin do doanh nghiệp tự kê khai.

Trường hợp công ty nhà nước, công ty con chưa chuyển đổi có chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau chuyển đổi có trách nhiệm đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2024 và thay thế Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010.

[Download](#)



Ngày 01/08/2024 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 57/2024/TT-BTC về hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và hoạt động chôn lấp chất thải tại Quỹ bảo vệ môi trường, theo đó:

Thông tư này hướng dẫn về quản lý và sử dụng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và hoạt động chôn lấp chất thải tại Quỹ Bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 37 và Điều 76 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Đây là khoản tiền mà các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản, hoạt động chôn lấp chất thải phải nộp (ký gửi) cho Quỹ Bảo vệ môi trường để đảm bảo trách nhiệm thực hiện các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường và xử lý rủi ro, nguy cơ ô nhiễm môi trường phát sinh từ hoạt động khai thác khoáng sản và hoạt động chôn lấp chất thải.

Số tiền ký quỹ, phương thức ký quỹ, thời gian ký quỹ, thời điểm ký quỹ, tiếp nhận tiền ký quỹ và hoàn trả tiền ký quỹ... được thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 76 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Theo Điều 6 Thông tư này, bên nhận ký quỹ phải gửi toàn bộ tiền ký quỹ vào tài khoản ký quỹ riêng mở tại ngân hàng thương mại. Tài khoản ký quỹ là tài khoản độc lập với các tài khoản khác tại ngân hàng thương mại của bên nhận ký quỹ và theo dõi chi tiết tiền ký quỹ và tiền lãi phát sinh từ tiền ký quỹ của từng dự án, tổ chức, cá nhân ký quỹ.

Tiền từ tài khoản ký quỹ chỉ được phép chi ra khi đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 37, Điều 76 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, các văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (nếu có) và quy chế nội bộ về việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của bên nhận ký quỹ.

Bên nhận ký quỹ phải trả lãi suất cho bên ký quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này; đồng thời, bên nhận ký quỹ phải hoàn trả tiền ký quỹ và tiền lãi phát sinh từ tiền ký quỹ cho bên ký quỹ hoặc cơ quan có thẩm quyền liên quan theo quy định tại khoản 7, khoản 9 Điều 37 và điểm d khoản 4, khoản 5 Điều 76 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Bên nhận ký quỹ không được sử dụng tiền ký quỹ và tiền lãi phát sinh từ tiền ký quỹ để cho vay và thực hiện các mục đích khác ngoài quy định tại Thông tư này.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/9/2024

[Download](#)

Ngày 30/07/2024 Cục thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 43610/CTHN-TTHT về hồ sơ khai thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, theo đó:

Trường hợp Công ty có phát sinh hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại địa bàn cùng tỉnh, thành phố với trụ sở chính hoặc chuyển nhượng bất động sản của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng thì hồ sơ khai thuế GTGT áp dụng mẫu 01/GTGT ban hành kèm Thông tư số 80/2021/TT-BTC. Nếu chuyển nhượng bất động sản tại địa bàn khác tỉnh, thành phố với trụ sở chính thì hồ sơ khai thuế GTGT áp dụng mẫu số 05/GTGT ban hành kèm theo phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC. Tiền thuế GTGT đã kê khai nộp vào ngân sách nhà nước tại tỉnh nơi có bất động sản chuyển nhượng.

Về hồ sơ khai thuế TNDN, Công ty không phải nộp hồ sơ khai thuế quý nhưng phải xác định số thuế tạm nộp hàng quý đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Hồ sơ khai quyết toán thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản áp dụng mẫu số

03/TNDN và Bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-8A/TNDN ban hành kèm theo phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC, nộp tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

[Download](#)

BẢN TIN THÁNG 09/2024

Ngày 02/08/2024 Cục thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 44496/CTHN-TTHT về việc hướng dẫn chính sách thuế TNCN, theo đó:

Trường hợp Công ty thường cổ phiếu cho người lao động thì khoản thu nhập này được xác định là thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương tiền công.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 11 Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC, tại thời điểm người lao động nhận thưởng bằng cổ phiếu thì chưa phải khai nộp thuế TNCN từ tiền lương tiền công. Thay vào đó, khi người lao động chuyển nhượng cổ phiếu thưởng sẽ phải khai nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu và thu nhập từ tiền lương tiền công (áp dụng thuế suất theo biểu lũy tiến từng phần).

Về trách nhiệm kê khai và nộp thuế thay cho cá nhân nhận thưởng bằng chứng khoán, thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

[Download](#)

Ngày 20/08/2024 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 3639/TCT-CS về chính sách thuế GTGT, theo đó:

Liên quan đến vướng mắc doanh nghiệp có được xuất trình vận đơn thay thế cho hợp đồng vận chuyển hàng hóa quốc tế (đường biển, đường hàng không) khi xin hưởng thuế suất thuế GTGT 0% theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC, Tổng cục Thuế đã yêu cầu căn cứ theo ý kiến của Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 5331/BGTVT-VT ngày 20/5/2024, cụ thể:

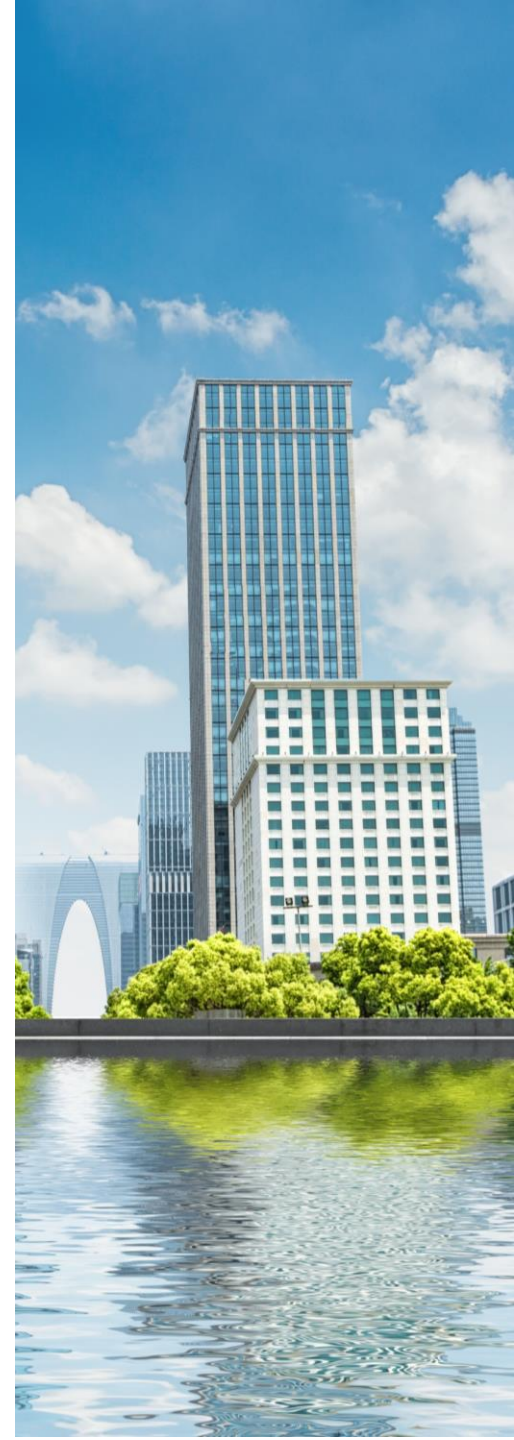
+ Căn cứ quy định tại Bộ luật Hàng hải năm 2005 và Bộ luật Hàng hải năm 2015 thì vận đơn/vận đơn suốt đường biển dùng trong vận tải quốc tế không theo phương thức hợp đồng vận chuyển theo chuyến là bằng chứng của hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển.

+ Đối với vận đơn hàng không, cần lưu ý, theo quy định tại Luật Hàng không dân dụng Việt Nam thì vận đơn hàng không thứ cấp

(House Airways Bill) là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng giao nhận hàng hóa để vận chuyển bằng đường hàng không giữa doanh nghiệp giao nhận và người gửi hàng; vận đơn hàng không thứ cấp không phải là một phần không thể tách rời của hợp đồng giữa người vận chuyển và người thuê vận chuyển.

+ Ngược lại, vận đơn hàng không (Airways Bill/Master Airways Bill) là một phần không thể tách rời của hợp đồng giữa người vận chuyển (hãng hàng không) và người thuê vận chuyển nên có cơ sở xác định vận đơn hàng không (Airways Bill/Master Airways Bill) dùng trong vận tải hàng không quốc tế (không theo phương thức hợp đồng vận chuyển theo chuyến) được thay thế cho điều kiện "có hợp đồng vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa giữa người vận chuyển và người thuê vận chuyển" để hưởng thuế suất GTGT 0%.

[Download](#)



Ngày 29/08/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2024/NĐ-CP về quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước, theo đó:

Từ ngày 01/9/2024 đến hết ngày 30/11/2024, mức thu lệ phí trước bạ bằng 50% mức thu quy định tại:

+ Nghị định 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;

+ Các Nghị quyết hiện hành của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về mức thu lệ phí trước bạ tại địa phương và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Từ ngày 01/12/2024 trở đi, mức thu lệ phí trước bạ tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ; các Nghị quyết hiện hành của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về mức thu lệ phí trước bạ tại địa phương và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Nghị định 109/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2024 đến hết ngày 30/11/2024.

[Download](#)

Ngày 06/08/2024 Tổng cục Hải Quan ban hành Công văn số 3747/TCHQ-TXNK về việc tăng cường quản lý các dự án ưu đãi đầu tư khi thay đổi chủ dự án, theo đó:

Theo Tổng cục Hải quan, đối với các dự án đầu tư đang hưởng ưu đãi về chính sách thuế mà có thay đổi chủ dự án thì chính sách thuế vẫn được thực hiện tương ứng nếu vẫn đáp ứng các điều kiện về đối tượng.

Về thủ tục, điều kiện để được tiếp tục hưởng chính sách ưu đãi thuế khi dự án hoặc chủ dự án có sự thay đổi, hiện nay Nghị định số 134/2016/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP) chỉ quy định thủ tục đối với một số trường hợp (chuyển nhượng dự án ưu đãi đầu tư; điều chuyển hàng hóa nhập khẩu miễn thuế của dự án ưu đãi đầu tư này sang dự án ưu đãi đầu tư khác thuộc cùng chủ dự án); chưa có quy định đối với các trường hợp thay đổi chủ dự án khác như: chuyển giao hàng hóa nhập khẩu tạo tài

tư theo hình thức góp vốn, thành lập doanh nghiệp; chia, tách công ty; sáp nhập, hợp nhất công ty...

Do đó, nhằm tăng cường quản lý đối với các dự án ưu đãi đầu tư có sự thay đổi chủ dự án thì ngoài các quy định, thủ tục tại Nghị định số 134/2026/NĐ-CP, Nghị định số 18/2021/NĐ-CP, Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC, Tổng cục Hải quan đã yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố tiến hành làm việc với doanh nghiệp là chủ dự án ban đầu và chủ dự án mới để nắm rõ về danh mục miễn thuế, các tờ khai đã nhập khẩu theo danh mục miễn thuế, việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ từ chủ cũ sang chủ mới đối với danh mục miễn thuế.

Đối với chủ mới của dự án, yêu cầu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về thuế, trong đó bao gồm: trách nhiệm sử dụng đúng mục đích hàng hóa miễn thuế của dự án và trách nhiệm báo cáo tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế trong năm tài chính cho cơ quan hải quan theo quy định tại khoản 7 Điều 30, khoản 1 Điều 31a Nghị định số 134/2026/NĐ-CP (sửa đổi tại khoản 13, khoản 15 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP).

Trường hợp doanh nghiệp (chủ cũ, chủ mới của dự án) không tới làm việc theo đề nghị của Cục Hải quan hoặc có dấu hiệu vi phạm, dấu hiệu rủi ro thì tiến hành kiểm tra tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế theo quy định tại khoản 4 Điều 31a Nghị định số 134/2026/NĐ-CP, thu thập, xác minh thông tin tại thực địa dự án, áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát, kiểm soát cần thiết khác.

[Download](#)

BẢN TIN THÁNG 09/2024

Ngày 23/08/2024 Tổng cục Hải Quan ban hành Công văn số 4046/TCHQ-TXNK về chính sách thuế hàng nhập trả lại, theo đó:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 và Điều 33 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, hàng hóa xuất khẩu nhưng bị trả lại (phải tái nhập) sẽ được hoàn thuế xuất khẩu (nếu có) và không phải nộp thuế nhập khẩu.

Tuy nhiên, cần đáp ứng điều kiện là chưa qua sử dụng, gia công, chế biến theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật số 107/2016/QH13 .

[Download](#)

Ngày 19/08/2024 Tổng cục Hải Quan ban hành Công văn số 3946/TCHQ-TXNK về việc hàng hóa gia công cho Doanh nghiệp chế xuất (DNCX), theo đó:

Theo quy định tại khoản 52 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC, trường hợp doanh nghiệp chế xuất (DNCX) thuê doanh nghiệp nội địa gia công tái chế phế liệu thu được trong quá trình sản xuất để tái sử dụng thì doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan theo quy định về gia công cho thương nhân nước ngoài, DNCX không phải làm thủ tục hải quan nhưng có trách nhiệm lưu giữ và xuất trình các chứng từ tài liệu liên quan đến hoạt động gia công, sản xuất hàng xuất khẩu.

Về chính sách thuế, theo quy định về đối tượng chịu thuế tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, trường hợp doanh nghiệp nội địa (không nằm trong khu phi thuế quan) xuất khẩu hàng hóa từ thị trường trong nước vào DNCX thì phải chịu thuế xuất khẩu và khi nhập khẩu hàng hóa từ DNCX vào thị trường trong nước thì phải chịu thuế nhập khẩu.

[Download](#)

Ngày 09/08/2024 Tổng cục Hải Quan ban hành Công văn số 3802/TCHQ-TXNK về việc tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế, theo đó :

Theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, doanh nghiệp đề nghị tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan (do nợ thuế) phải đáp ứng các điều kiện sau:

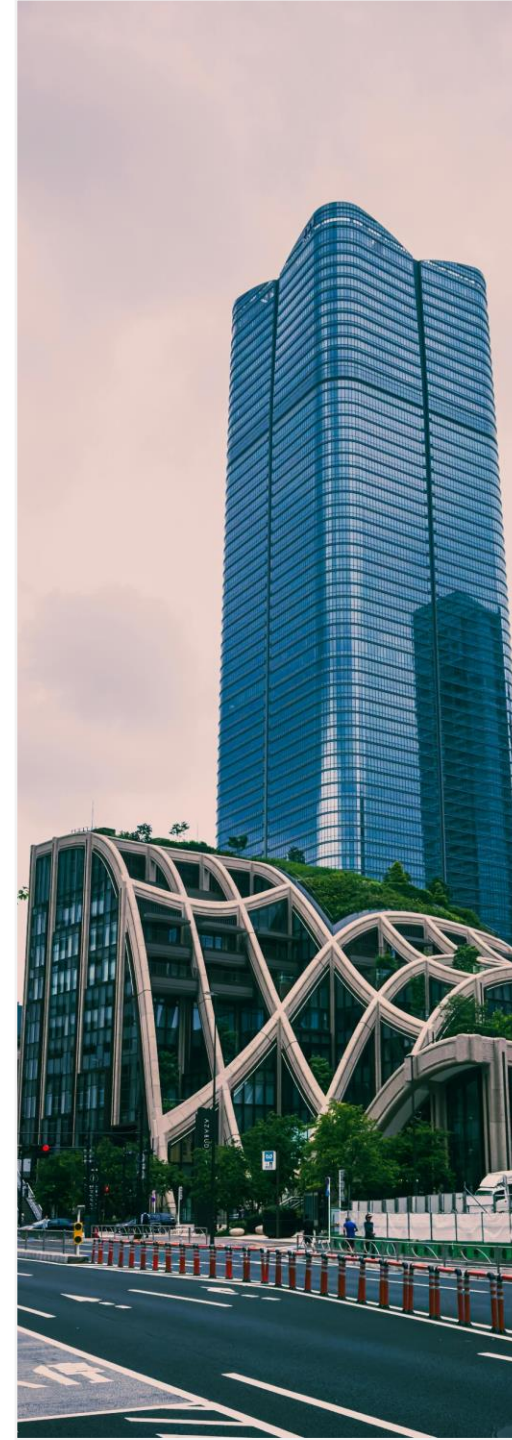
+ Không còn nợ tiền thuế quá hạn, tiền chậm nộp, tiền phạt của các lô hàng khác;

+ Phải nộp thuế trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng đối với lô hàng đang làm thủ tục hải quan;

+ Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đang còn nợ phải được bảo lãnh theo quy định.

Doanh nghiệp bị cưỡng chế lập hồ sơ đề nghị tạm dừng cưỡng chế gửi cho Cục Hải quan nơi phát sinh khoản nợ bị cưỡng chế kèm theo thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ để được xem xét theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 6 Điều 33 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

[Download](#)



Ngày 12/08/2024 Tổng cục Hải Quan ban hành Công văn số 3824/TCHQ-TXNK về việc hạch toán tài sản cố định hàng hóa miễn thuế nhập khẩu thuộc dự án ưu đãi đầu tư, theo đó:

Trường hợp hộ kinh doanh phát sinh hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế theo dự án đầu tư thì cơ quan hải quan sẽ kiểm tra việc sử dụng hàng hóa miễn thuế và việc báo cáo tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế trong năm tài chính cho cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế theo quy định tại khoản 7 Điều 30, khoản 1 Điều 31a Nghị định số 134/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, khoản 15 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP). Trường hợp không sử dụng đúng mục đích đã được miễn thuế thì cơ quan hải quan sẽ thực hiện truy thu thuế, tiền chậm nộp, xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định.

[Download](#)

Ngày 25/7/2024, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 3305/VBHN-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, theo đó Thông tư có một số điểm đáng chú ý như sau:

Trường hợp người lao động giao kết nhiều hợp đồng lao động và đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo hợp đồng lao động có hiệu lực đầu tiên thì khi chấm dứt hoặc thay đổi hợp đồng lao động này dẫn đến người lao động không thuộc đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm thất nghiệp thì người sử dụng lao động của hợp đồng lao động kế tiếp phải lập và nộp hồ sơ tham gia bảo hiểm thất nghiệp của người lao động cho tổ chức BHXH trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người lao động chấm dứt hoặc thay đổi hợp đồng lao động nêu trên.

Trường hợp trước ngày 1/1/2015 người sử dụng lao động đã giao kết hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 3 tháng đến dưới 12 tháng với người lao động và đang thực hiện hợp đồng lao động này, tính đến ngày 1/1/2015 thời hạn hợp đồng

lao động nêu trên còn ít nhất 3 tháng trở lên thì người sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động kể từ ngày 1/1/2015 trở đi.

Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp trên 36 tháng đến đủ 144 tháng thì thời gian đóng chưa được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp được bảo lưu. Trường hợp người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp trên 144 tháng thì những thời gian chưa được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp không được bảo lưu. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu ghi tại quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Người lao động không đến nhận tiền và không thông báo bằng văn bản với cơ quan BHXH sau thời hạn 3 tháng kể từ ngày hết thời hạn hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp thì được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với số tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp mà người lao động không nhận tiền trợ cấp thất nghiệp.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/09/2015

[Download](#)

Ngày 20/08/2024 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 62/2024/TT-BTC hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định 75/2024/NĐ-CP, theo đó:

Lưu ý khi xác định đối tượng được áp dụng mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng mới:

- + Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước để xác định nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định 73/2024/NĐ-CP trong năm 2024 là số thực có mặt tại thời điểm ngày 01/7/2024 trong phạm vi số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt).

- + Không tổng hợp số đối tượng vượt chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) năm 2024; các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xử lý số biên chế dư theo quy định của pháp luật.

- + Không tổng hợp số đối tượng là người làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định 73/2024/NĐ-CP ; các cơ quan, đơn vị bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao và các nguồn thu hợp pháp khác để chi trả cho các đối tượng này theo quy định tại Điều 12 Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

Xác định nguồn kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng mới:

- + Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2024 (nếu có).

- + Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập

sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí.

- + Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2024 tăng thêm so với dự toán năm 2023 được cấp có thẩm quyền giao.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 20/08/2024

[Download](#)



Thông tin liên hệ

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 12 - Tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân,
P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (024) 6278.2904
Fax: (024) 6278.2905
Email: anviet@anvietcpa.com

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Tầng 9, tòa nhà AC - 78 Duy Tân,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (024) 3795.8705
Fax: (024) 3795.8677
Email: anviet.hn@anvietcpa.com

VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

BH06-12A, Khu đô thị Vinhomes Imperia,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
Tel: (0225) 384.2430
Fax: (0225) 384.2433
Email: anviet.hp@anvietcpa.com



Ông Vũ Bình Minh

Tổng Giám đốc
Tel: 0904.347.726
Email: minh.vu@anvietcpa.com



Ông Dương Đình Ngọc

Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0983 536 303
Email: ngoc.duong@anvietcpa.com



Bà Vũ Thị Hương Giang

Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0909 866 888
Email: giang.vu@anvietcpa.com